Chi tiết mã HS 3811.21.10

Mã HS	3811.21.10
Mô tả hàng hóa	Chế phẩm chống kích nổ, chất ức chế quá trình oxy hóa, chất chống dính, chất làm tăng độ nhớt, chế phẩm chống ăn mòn và các chất phụ gia đã điều chế khác, dùng cho dầu khoáng (kể cả xăng) hoặc cho các loại chất lỏng dùng như dầu khoáng / - Các phụ gia cho dầu bôi trơn: / - - Có chứa các loại dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ hoặc dầu thu được từ khoáng bi-tum: / - - - Đã đóng gói để bán lẻ
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	11/11/2026 16:09:56
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/38112110/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5445
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N5445
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5445
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5300
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5261
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5261
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5261
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5261
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5261
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5261
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E5305
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5305
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5305
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5305

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5305
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5305
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5303
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5303
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5303
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5303
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5303
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5303
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5305
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5267
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5263
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5263
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5263
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5263
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5263
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5263
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5272
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5272
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5272
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5272
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5272
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5272
VCFTA	2022	2022	1	VC!D5313
VCFTA	2023	2023	1	VC!E5313
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5313
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5313

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5313
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5313
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5314
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5314
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5314
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5314
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5314
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5314
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D5317
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E5317
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F5317
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G5317
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H5317
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I5317
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D5286
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E5286
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F5286
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5286
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5286
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5286
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D5288
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E5288
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F5288
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5288
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5288
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5288

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5286
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5286
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5286
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5286
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5286
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5286
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5286
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5307
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5307
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5307
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5307
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5307
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5307
RCEP B	2022	2022	0	B!D5307
RCEP B	2023	2023	0	B!E5307
RCEP B	2024	2024	0	B!F5307
RCEP B	2025	2025	0	B!G5307
RCEP B	2026	2026	0	B!H5307
RCEP B	2027	2027	0	B!I5307
RCEP C	2022	2022	0	C!D5307
RCEP C	2023	2023	0	C!E5307
RCEP C	2024	2024	0	C!F5307
RCEP C	2025	2025	0	C!G5307
RCEP C	2026	2026	0	C!H5307
RCEP C	2027	2027	0	C!I5307
RCEP D	2022	2022	0	D!D5307

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E5307
RCEP D	2024	2024	0	D!F5307
RCEP D	2025	2025	0	D!G5307
RCEP D	2026	2026	0	D!H5307
RCEP D	2027	2027	0	D!I5307
RCEP E	2022	2022	0	E!D5310
RCEP E	2023	2023	0	E!E5310
RCEP E	2024	2024	0	E!F5310
RCEP E	2025	2025	0	E!G5310
RCEP E	2026	2026	0	E!H5310
RCEP E	2027	2027	0	E!I5310
RCEP F	2022	2022	0	F!D5307
RCEP F	2023	2023	0	F!E5307
RCEP F	2024	2024	0	F!F5307
RCEP F	2025	2025	0	F!G5307
RCEP F	2026	2026	0	F!H5307
RCEP F	2027	2027	0	F!I5307
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4889
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4889
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4889
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4889

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3811.21 có 2 dòng thuế; dòng 3811.21.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Đã đóng gói để bán lẻ.	3811.21.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3811.21.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 3811.21.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5445), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.